

Số: 3295 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)/giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II) năm 2023;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3909/BNN-TCCB ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp giảng viên trúng tuyển kỳ thi thăng hạng lên giảng viên cao cấp (hạng I) và giảng viên chính (hạng II) năm 2023.

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm và xếp lương đối với 116 (một trăm mười sáu) giảng viên vào chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Các cá nhân có tên tại Điều 1 được hưởng lương mới kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu: VT, TC, HS, LT(7).





**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐƯỢC BỎ NHIỆM
VÀ XẾP LƯƠNG VÀO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)**

(Kèm theo Quyết định số 3295 /QĐ-HVN ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bỏ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trần Thị Thiêm	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
2	Thiều Thị Phong Thu	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
3	Nguyễn Đức Khánh	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	7	4.32		01/04/2023	V.07.01.02	1	4.40	01/04/2023	
4	Nguyễn Thị ái Nghĩa	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
5	Phan Thị Thủy	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	4	3.33		01/07/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
6	Đoàn Thu Thủy	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	5	3.66		01/07/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
7	Phạm Tuấn Anh	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	8	4.65		01/10/2022	V.07.01.02	2	4.74	01/10/2022	
8	Vũ Ngọc Lan	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	4	3.33		01/11/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
9	Phùng Thị Thu Hà	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	5	3.66		01/07/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
10	Vũ Duy Hoàng	1	Khoa Nông học	V.07.01.03	5	3.66		01/03/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
11	Nguyễn Thị Vinh	2	Khoa Chăn nuôi	V.07.01.03	6	3.99		01/12/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
12	Trần Bích Phương	2	Khoa Chăn nuôi	V.07.01.03	4	3.33		01/03/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
13	Bùi Huy Doanh	2	Khoa Chăn nuôi	V.07.01.03	5	3.66		01/12/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	
14	Nguyễn Văn Thao	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/12/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bỏ nhiệm	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
15	Ngô Thanh Sơn	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	7	4.32		01/03/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/03/2022	
16	Ngô Thị Dung	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	7	4.32		01/06/2021	V.07.01.02	1	4.40	01/06/2021	
17	Vũ Thị Xuân	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/03/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
18	Bùi Nguyên Hạnh	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
19	Ngô Thị Hà	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	4	3.33		01/03/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
20	Đoàn Thanh Thủy	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/09/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
21	Nguyễn Đức Thuận	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	4	3.33		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
22	Đoàn Thị Thúy Ái	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	8	4.65		01/10/2021	V.07.01.02	2	4.74	01/10/2021	
23	Lê Thị Thu Hương	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
24	Nguyễn Xuân Hòa	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
25	Nguyễn Thế Bình	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	6	3.99		01/04/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
26	Nguyễn Ngọc Tú	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	6	3.99		01/05/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
27	Nguyễn Thị Thu Hà	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	4	3.33		01/09/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
28	Hồ Thị Thúy Hằng	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	4	3.33		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
29	Nguyễn Thị Bích Hà	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
30	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	3	Khoa Tài nguyên và Môi trường	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
31	Nguyễn Thị Hiên	4	Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	8	4.65		01/05/2021	V.07.01.02	2	4.74	01/05/2021	
32	Đặng Thị Thúy Huyền	4	Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	5	3.66		01/10/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
			Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
33	Nguyễn Quang Huy	4 Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	7	4.32		01/10/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/10/2022	
34	Đào Xuân Tiến	4 Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
35	Nguyễn Thị Duyên	4 Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	7	4.32		01/10/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/10/2022	
36	Ngô Quang Ước	4 Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	5	3.66		01/06/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
37	Lê Vũ Quân	4 Khoa Cơ Điện	V.07.01.03	9	4.98		01/05/2021	V.07.01.02	3	5.08	01/05/2021	
38	Trần Đức Trí	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	7	4.32		01/03/2023	V.07.01.02	1	4.40	01/03/2023	
39	Ngô Minh Hải	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
40	Nguyễn Thị Huyền Châm	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
41	Đoàn Bích Hạnh	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
42	Đồng Thanh Mai	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
43	Bùi Thị Khánh Hòa	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
44	Trần Mạnh Hải	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	6	3.99		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
45	Bạch Văn Thủy	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/12/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
46	Nguyễn Thị Phương	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
47	Nguyễn Thị Hải Ninh	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	6	3.99		01/09/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
48	Trần Thị Thu Trang	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/12/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
49	Nguyễn Thị Ngọc Thương	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
50	Hồ Ngọc Cường	5 Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
51	Lê Phương Nam	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/03/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
52	Nguyễn Hữu Giáp	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/05/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
53	Nguyễn Hữu Nhuận	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	6	3.99		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
54	Giang Hương	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	6	3.99		01/08/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
55	Bùi Văn Quang	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
56	Lưu Văn Duy	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
57	Phạm Thị Thanh Thúy	5	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
58	Nguyễn Thị Thanh Minh	6	Khoa Khoa học xã hội	V.07.01.03	9	4.98		01/05/2023	V.07.01.02	3	5.08	01/05/2023	
59	Trần Khánh Dư	6	Khoa Khoa học xã hội	V.07.01.03	7	4.32		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	01/10/2021	
60	Nguyễn Thị Minh Hạnh	6	Khoa Khoa học xã hội	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
61	Đặng Xuân Phi	7	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	V.07.01.03	4	3.33		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
62	Nguyễn Thị Trang Nhung	7	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
63	Trần Thị Thu Hằng	8	Khoa Công nghệ thực phẩm	V.07.01.03	7	4.32		01/09/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/09/2022	
64	Vũ Thị Hạnh	8	Khoa Công nghệ thực phẩm	V.07.01.03	6	3.99		01/01/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
65	Nguyễn Văn Phương	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
66	Dương Đức Hiếu	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/07/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
67	Đỗ Thị Kim Lành	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/12/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
68	Nguyễn Đức Trường	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
69	Nguyễn Công Toàn	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	4	3.33		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
70	Trần Thị Đức Tâm	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	8	4.65		01/09/2022	V.07.01.02	2	4.74	01/09/2022	
71	Trương Hà Thái	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	7	4.32		01/04/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/04/2022	
72	Đặng Hữu Anh	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	7	4.32		01/02/2023	V.07.01.02	1	4.40	01/02/2023	
73	Trần Thị Hương Giang	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
74	Mai Thị Ngân	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	6	3.99		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
75	Chu Thị Thanh Hương	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/10/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
76	Lê Văn Trường	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/03/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
77	Vũ Thị Ngọc	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	4	3.33		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
78	Đồng Văn Hiếu	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	5	3.66		01/05/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
79	Bùi Thị Tổ Nga	9	Khoa Thú y	V.07.01.03	6	3.99		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
80	Ngô Công Thắng	10	Khoa Công nghệ thông tin	V.07.01.03	8	4.65		01/10/2021	V.07.01.02	2	4.74	01/10/2021	
81	Trần Trung Hiếu	10	Khoa Công nghệ thông tin	V.07.01.03	5	3.66		01/07/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
82	Vũ Thị Lưu	10	Khoa Công nghệ thông tin	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
83	Nguyễn Thị Thảo	10	Khoa Công nghệ thông tin	V.07.01.03	6	3.99		01/02/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
84	Nguyễn Xuân Thảo	10	Khoa Công nghệ thông tin	V.07.01.03	6	3.99		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
85	Trần Nguyễn Thị Yến	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/11/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
86	Trần Minh Huệ	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
87	Nguyễn Thị Hải Bình	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/03/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
88	Trần Thị Thương	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/02/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
89	Phan Lê Trang	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
90	Hoàng Thị Mai Anh	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
91	Nguyễn Đăng Học	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
92	Trần Thị Thu Hương	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	8	4.65		01/05/2022	V.07.01.02	2	4.74	01/05/2022	
93	Vũ Thị Hằng Nga	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/06/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
94	Lê Thị Kim Oanh	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	8	4.65		01/10/2022	V.07.01.02	2	4.74	01/10/2022	
95	Nguyễn Thị Thu Trang	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	6	3.99		01/11/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
96	Lê Thị Thu Hương	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
97	Đào Hồng Vân	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
98	Nguyễn Ngọc Mai	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/06/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
99	Trần Thị Thanh Huyền	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/03/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
100	Đoàn Thị Ngọc Thúy	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
101	Nguyễn Thị Kim Oanh	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/07/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
102	Bùi Thị Mai Linh	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
103	Nguyễn Thị Thùy Dung	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
104	Lê Thanh Hà	11	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị công tác	Mã số chức danh, bậc, hệ số lương hiện giữ					Mã số chức danh, bậc, hệ số lương được bổ nhiệm				Ghi chú
				Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên VK (%)	Thời gian hưởng	Mã số hạng chức danh hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	
105	Trần Thị Hồng Hạnh	12	Khoa Công nghệ sinh học	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
106	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	12	Khoa Công nghệ sinh học	V.07.01.03	8	4.65		01/09/2022	V.07.01.02	2	4.74	01/09/2022	
107	Trần ánh Tuyết	14	Khoa Thủy sản	V.07.01.03	5	3.66		01/09/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
108	Đoàn Thị Ninh	14	Khoa Thủy sản	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
109	Phạm Thị Lam Hồng	14	Khoa Thủy sản	V.07.01.03	7	4.32		01/10/2020	V.07.01.02	1	4.40	01/10/2020	
110	Nguyễn Thị Mai	14	Khoa Thủy sản	V.07.01.03	5	3.66		01/08/2020	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
111	Phan Thị Điều	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	8	4.65		01/08/2021	V.07.01.02	2	4.74	01/08/2021	
112	Nguyễn Văn Quảng	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	7	4.32		01/02/2022	V.07.01.02	1	4.40	01/02/2022	
113	Trần Văn Hậu	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	7	4.32		01/10/2021	V.07.01.02	1	4.40	01/10/2021	
114	Lương Thanh Hoa	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	5	3.66		01/02/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
115	Nguyễn Thế Hân	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	5	3.66		01/03/2022	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	
116	Cao Trường Giang	33	Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao	V.07.01.03	4	3.33		01/01/2021	V.07.01.02	1	4.40	Từ ngày ký quyết định bổ nhiệm	

Danh sách này có 116 (một trăm mười sáu) người./.